Biểu mẫu số 01

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Tờ trình số 96 /TTr-UBND ngày 06/ 7 /2022 của Ủy nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Tỉnh giao			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Huyện giao) Theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 18/3/2022 của HĐND huyện			Tỉnh giao			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Huyện giao) (Điều chỉnh, bổ sung lần 3)			Ghi chú
		Tổng số vốn	Trong đó		Tổng số vốn	Trong đó		Tổng số vốn	Trong đó		Tổng số vốn	Trong đó		
			Phân bổ	Dự phòng		Phân bổ	Dự phòng; Chưa phân bổ		Phân bổ	Dự phòng		Phân bổ	Dự phòng; Chưa phân bổ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
	TỔNG CỘNG	**155,130**	**155,130**	**-**	**219,210**	**211,865**	**7,345**	**155,130**	**155,130**	**-**	**355,186**	**339,489**	**15,697**	
A	**Vốn đầu tư ngân sách địa phương**	**155,130**	**155,130**	**-**	**219,210**	**211,865**	**7,345**	**155,130**	**155,130**	**-**	**355,186**	**339,489**	**15,697**	
I	**Nguồn vốn cân đối NSĐP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg**	**52,790**	**52,790**	**-**	**52,790**	**47,175**	**5,615**	**52,790**	**52,790**	**-**	**52,790**	**39,693**	**13,097**	
1	Phân cấp cân đối theo tiêu chí theo quy định tại Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	29,630	29,630	-	29,630	29,285	345	29,630	29,630	-	29,630	24,433	5,197	
2	Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	13,160	13,160		13,160	7,890	5,270	13,160	13,160		13,160	5,260	7,900	
3	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách	10,000	10,000		10,000	10,000	-	10,000	10,000		10,000	10,000	-	
II	**Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối**	**98,000**	**98,000**		**145,353**	**145,353**	**-**	**98,000**	**98,000**		**291,314**	**291,314**	**-**	
1	Phân cấp ngân sách các xã được hưởng				16,517	16,517					33,104	33,104		
2	Phân cấp ngân sách cấp huyện được hưởng				128,836	128,836					258,210	258,210		
III	**Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (lồng ghép thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới)**	**4,340**	**4,340**		**4,340**	**2,610**	**1,730**	**4,340**	**4,340**		**4,340**	**1,740**	**2,600**	
IV	**Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm**				**14,744**	**14,744**	**-**				**5,744**	**5,744**	**-**	
V	**Nguồn tiết kiệm, cắt giảm theo Nghị quyết 84/NQ-CP của Chính phủ**				**633**	**633**	**-**				**633**	**633**	**-**	
VI	**Nguồn Kết dư ngân sách huyện**				**1,350**	**1,350**	**-**				**365**	**365**	**-**	

Biểu mẫu số 02

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Tờ trình số 96 /TTr-UBND ngày 06/ 7 /2022 của Ủy nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Đơn vị Thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 *(Theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 18/3/2022 của HĐND huyện)*									STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Đơn vị Thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 *(Điều chỉnh, bổ sung lần 3)*									Ghi chú
						Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 *(Theo nguồn vốn)*		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn, năm 2021 đến năm 2025										Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 *(Theo nguồn vốn)*		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn, năm 2021 đến năm 2025					
							TMĐT					Trong đó: Vốn NSĐP huyện										TMĐT					Trong đó: Vốn NSĐP huyện			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó			
													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB(1)													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (1)	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ (A+B+C+D+E+F)					-	-	-	**39,844**	**39,844**	**211,865**	**211,865**	-	-		**TỔNG SỐ (A+B+C+D+E+F)**					-	-	-	**43,511**	**43,511**	**339,489**	**339,489**	-	-	
A	**Nguồn vốn cân đối NSĐP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg**					-	-	-	**25,000**	**25,000**	**47,175**	**47,175**	-	-	**A**	**Nguồn vốn cân đối NSĐP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg**					-	-	-	**25,000**	**25,000**	**39,693**	**39,693**	-	-	
I	**Phân cấp cân đối theo tiêu chí theo quy định tại Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020**						-	-	-	-	**29,285**	**29,285**	-	-	**I**	**Phân cấp cân đối theo tiêu chí theo quy định tại Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020**						-	-	-	-	**24,433**	**24,433**	-	-	**Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn Từ 29.285 triệu đồng xuống 24.433 triệu đồng**
1	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**								-	-	**2,522**	**2,522**	-	-	**1**	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**								-	-	**2,522**	**2,522**	-	-	
-	Công trình Đường ĐĐT33 (N64-N65)	7898001	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 08/5/2021	1,628	1,628			200	200			-	Công trình Đường ĐĐT33 (N64-N65)	7898001	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 08/5/2021	1,628	1,628			200	200			
-	Công trình Đường ĐĐT36 (N9-N66)	7897879	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 06/5/2021	1,506	1,506			200	200			-	Công trình Đường ĐĐT36 (N9-N66)	7897879	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 06/5/2021	1,506	1,506			200	200			
-	Công trình Đường ĐĐT37 (N7-N75)	7902447	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	4,967	4,967			200	200			-	Công trình Đường ĐĐT37 (N7-N75)	7902447	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	4,967	4,967			200	200			
-	Sửa chữa trụ sở Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Ia H'Drai	7897882	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 09/2/2022	4,155	4,155			200	200			-	Sửa chữa trụ sở Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Ia H'Drai	7897882	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 09/2/2022	4,155	4,155			200	200			
-	Công trình Đường ĐĐT27 (N40-N53).	7912506	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	5,388	5,388			200	200			-	Công trình Đường ĐĐT27 (N40-N53).	7912506	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	5,388	5,388			200	200			
-	Công trình Đường ĐĐT30 (N52-N54)	7909588	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	3,808	3,808			200	200			-	Công trình Đường ĐĐT30 (N52-N54)	7909588	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	3,808	3,808			200	200			
-	Sửa chữa trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ia H'Drai	7897880	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	750	750			50	50			-	Sửa chữa trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ia H'Drai	7897880	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2023	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	750	750			50	50			
-	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa –Thể thao –Du lịch và Truyền thông	7897881	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2023	Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	1,285	1,285			88	88			-	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa –Thể thao –Du lịch và Truyền thông	7897881	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 04/6/2022	1,215	1,215			88	88			
-	Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)	7910488	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	4,842	4,842			200	200			-	Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)	7910488	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	4,842	4,842			200	200			
-	Công trình Đường ĐĐT31 (N57-N54)	7913666	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	6,851	6,851			200	200			-	Công trình Đường ĐĐT31 (N57-N54)	7913666	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024		7,947	7,947			200	200			Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư từ 6.851 triệu đồng lên 7.947 triệu đồng
-	Công trình Đường ĐĐT21 (N40-N30)	7912507	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	5,957	5,957			200	200			-	Công trình Đường ĐĐT21 (N40-N30)	7912507	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	5,957	5,957			200	200			
-	Công trình Đường ĐĐT20 (N39-N30)	7902732	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 12/6/2021	4,230	4,230			200	200			-	Công trình Đường ĐĐT20 (N39-N30)	7902732	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 12/6/2021	4,230	4,230			200	200			
-	Công trình Đường ĐĐT22 (N32-N33)	7902733	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	1,968	1,968			129	129			-	Công trình Đường ĐĐT22 (N32-N33)	7902733	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	1,968	1,968			129	129			
-	Công trình Đường ĐĐT23 (N34-N35)	7909590	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	1,968	1,968			127	127			-	Công trình Đường ĐĐT23 (N34-N35)	7909590	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	1,968	1,968			127	127			
-	Công trình Đường ĐĐT24 (N37-N36)	7909589	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	1,968	1,968			128	128			-	Công trình Đường ĐĐT24 (N37-N36)	7909589	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	1,968	1,968			128	128			

						Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 *(Theo nguồn vốn)*		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn, năm 2021 đến năm 2025										Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 *(Theo nguồn vốn)*		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn, năm 2021 đến năm 2025				
						Quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu dự án; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP huyện									Quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu dự án; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP huyện			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện		Tổng số	Trong đó			
													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB[1]												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB[1]	
2	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**								**-**	**-**	**26,763**	**26,763**	**-**	**-**	**2**	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**								**-**	**-**	**21,911**	**21,911**	**-**	**-**	
-	Công trình Đường ĐĐT33 (N64-N65)	7898001	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 08/5/2021	1,628	1,628			1,428	1,428			-	Công trình Đường ĐĐT33 (N64-N65)	7898001	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 08/5/2021	1,628	1,628			1,394	1,394			Điều chỉnh giảm 34,491 triệu đồng chuyển sang công trình Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)
-	Công trình Đường ĐĐT36 (N9-N66)	7897879	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 06/5/2021	1,506	1,506			1,306	1,306			-	Công trình Đường ĐĐT36 (N9-N66)	7897879	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 06/5/2021	1,506	1,506			1,172	1,172			Điều chỉnh giảm 133,988 triệu đồng chuyển sang công trình Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)
-	Công trình Đường ĐĐT37 (N7-N75)	7902447	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	4,967	4,967			670	670			-	Công trình Đường ĐĐT37 (N7-N75)	7902447	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	4,967	4,967			670	670			
-	Sửa chữa trụ sở Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Ia H'Drai	7897882	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 09/2/2022	4,155	4,155			3,955	3,955			-	Sửa chữa trụ sở Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Ia H'Drai	7897882	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 09/2/2022	4,155	4,155			1,000	1,000			Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ 3.955 triệu đồng xuống 1.000 triệu đồng
-	Công trình Đường ĐĐT27 (N40-N53).	7912506	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	5,388	5,388			5,188	5,188			-	Công trình Đường ĐĐT27 (N40-N53).	7912506	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	5,388	5,388			5,188	5,188			
-	Công trình Đường ĐĐT30 (N52-N54)	7909588	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	3,808	3,808			2,997	2,997			-	Công trình Đường ĐĐT30 (N52-N54)	7909588	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	3,808	3,808			2,997	2,997			
-	Sửa chữa trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ia H'Drai	7897880	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	750	750			700	700			-	Sửa chữa trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ia H'Drai	7897880	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2023	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	750	750							Đã bố trí bằng nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối
-	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa –Thể thao –Du lịch và Truyền thông	7897881	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2023	Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	1,285	1,285			1,197	1,197			-	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa –Thể thao –Du lịch và Truyền thông	7897881	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 04/6/2022	1,215	1,215							Đã bố trí bằng nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối
-	Công trình Đường ĐĐT20 (N39-N30)	7902732	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 12/6/2021	4,230	4,230			4,030	4,030			-	Công trình Đường ĐĐT20 (N39-N30)	7902732	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 12/6/2021	4,230	4,230			4,030	4,030			
-	Công trình Đường ĐĐT22 (N32-N33)	7902733	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	1,968	1,968			1,779	1,779			-	Công trình Đường ĐĐT22 (N32-N33)	7902733	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	1,968	1,968			1,779	1,779			
-	Công trình Đường ĐĐT23 (N34-N35)	7909590	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	1,968	1,968			1,741	1,741			-	Công trình Đường ĐĐT23 (N34-N35)	7909590	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	1,968	1,968			1,741	1,741			
-	Công trình Đường ĐĐT24 (N37-N36)	7909589	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	1,968	1,968			1,772	1,772			-	Công trình Đường ĐĐT24 (N37-N36)	7909589	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	1,968	1,968			1,772	1,772			
															-	Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)	7910488	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	4,842	4,842			168	168			Điều chỉnh tăng 168,479 triệu đồng
II	**Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)**										**7,890**	**7,890**	**-**	**-**	**II**	**Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)**								**-**	**-**	**5,260**	**5,260**	**-**	**-**	**Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ 7.890 triệu đồng xuống 5.260 triệu đồng**
1	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**										**721**	**721**	**-**	**-**	**1**	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**								**-**	**-**	**721**	**721**	**-**	**-**	
-	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	7913664	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	8,000	8,000			500	500			-	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	7913664	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	8,000	8,000			500	500			
-	Trường mầm non Măng Non (bếp ăn, nhà công vụ)	7916553	BQL ĐT&XD	Xã Ia Đal	2021-2023	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	5,160	5,160			221	221			-	Trường mầm non Măng Non (bếp ăn, nhà công vụ)	7916553	BQL ĐT&XD	Xã Ia Đal	2021-2023	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	5,160	5,160			221	221			
2	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**								**-**	**-**	**7,169**	**7,169**	**-**	**-**	**2**	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**								**-**	**-**	**4,539**	**4,539**	**-**	**-**	
-	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	7913664	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	8,000	8,000			3,122	3,122			-	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	7913664	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	8,000	8,000			2,560	2,560			Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ 3.122 triệu đồng xuống 2.560 triệu đồng
-	Trường mầm non Măng Non (bếp ăn, nhà công vụ)	7916553	BQL ĐT&XD	Xã Ia Đal	2021-2023	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	5,160	5,160			4,047	4,047			-	Trường mầm non Măng Non (bếp ăn, nhà công vụ)	7916553	BQL ĐT&XD	Xã Ia Đal	2021-2023	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	5,160	5,160			1,979	1,979			Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ 4.047 triệu đồng xuống 1.979 triệu đồng
III	**Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách**								**25,000**	**25,000**	**10,000**	**10,000**	**-**	**-**	**III**	**Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách**								**25,000**	**25,000**	**10,000**	**10,000**	**-**	**-**	
1	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**								**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1**	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**								**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
2	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**								**25,000**	**25,000**	**10,000**	**10,000**	**-**	**-**	**2**	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**								**25,000**	**25,000**	**10,000**	**10,000**	**-**	**-**	
-	Cầu Drai (thuộc Đường giao thông nối trung tâm hành chính huyện với đường tuần tra biên giới khu vực Hồ Le)	7713157	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	2018-2021	Quyết định số 02/QĐ-UBND huyện ngày 08/01/2019	37,750	37,750	24,096	24,096	1,190	1,190			-	Cầu Drai (thuộc Đường giao thông nối trung tâm hành chính huyện với đường tuần tra biên giới khu vực Hồ Le)	7713157	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	2018-2021	Quyết định số 02/QĐ-UBND huyện ngày 08/01/2019	37,750	37,750	24,096	24,096	1,190	1,190			

						Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 *(Theo nguồn vốn)*		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn, năm 2021 đến năm 2025										Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 *(Theo nguồn vốn)*		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn, năm 2021 đến năm 2025				
						Quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu dự án; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP huyện									Quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu dự án; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP huyện			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện		Tổng số	Trong đó			
													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB[1]													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB [1]	
-	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị)	7928807	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 371/QĐ-UBND huyện ngày 18/11/2021	11,163	11,163	904	904	8,810	8,810			-	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị)	7928807	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 371/QĐ-UBND huyện ngày 18/11/2021	11,163	11,163	904	904	8,810	8,810			
B	**Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối**								**14,844**	**14,844**	**145,353**	**145,353**	**-**	**-**	**B**	**Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối**								**18,511**	**18,511**	**291,314**	**291,314**	**-**	**-**	**Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn từ 145.353 triệu đồng lên 291.314 triệu đồng**
B.1	**Phân cấp ngân sách các xã được hưởng**										**16,517**	**16,517**			**B.1**	**Phân cấp ngân sách các xã được hưởng**										**33,104**	**33,104**			**Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn từ 16.517 triệu đồng lên 33.104 triệu đồng**
B.2	**Phân cấp ngân sách cấp huyện được hưởng**								**14,844**	**14,844**	**128,836**	**128,836**	**-**	**-**	**B.2**	**Phân cấp ngân sách cấp huyện được hưởng**								**18,511**	**18,511**	**258,210**	**258,210**	**-**	**-**	**Điều chỉnh tăng kế hoạch 128.836 triệu đồng lên 258.210 triệu đồng**
I	**Chi nhiệm vụ quy hoạch, quản lý đất đai**										**5,000**	**5,000**			**I**	**Chi nhiệm vụ quy hoạch, quản lý đất đai**										**5,000**	**5,000**			
II	**Chi nhiệm vụ đầu tư**					**-**	**-**	**-**	**14,844**	**14,844**	**123,836**	**123,836**			**II**	**Chi nhiệm vụ đầu tư**					**-**	**-**	**-**	**18,511**	**18,511**	**253,210**	**253,210**			
II.1	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**								**-**	**-**	**200**	**200**	**-**	**-**	**II.1**	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**								**-**	**-**	**3,843**	**3,843**	**-**	**-**	
-	Đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Đal đến tiếp giáp Dự án đường từ cầu Drai đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le	7713157	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	Từ năm 2022-	Quyết định số 411/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/5/2021	104,248	34,248			100	100			-	Đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Đal đến tiếp giáp Dự án đường từ cầu Drai đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le	7713157	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	Từ năm 2022-	Quyết định số 411/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/5/2021	104,248	34,248			100	100			
-	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Tơi	7939028	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	Từ năm 2023-	Quyết định số 390/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/5/2021	149,882	14,882			100	100			-	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Tơi	7939028	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	Từ năm 2023-	Quyết định số 390/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/5/2021	149,882	14,882			100	100			
															-	Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum		BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2026		98,799	98,799			1,958	1,958			Bổ sung mới
															-	Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai		BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024		7,930	7,930			78	78			Bổ sung mới
															-	Đầu tư đường ống cấp III trung tâm huyện Ia H'Drai		BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	2022-2024		4,928	4,928			1,607	1,607			Bổ sung mới
II.2	**THỰC HIỆN DỰ ÁN ((1)+(2))**								**14,844**	**14,844**	**123,636**	**123,636**	**-**	**-**	**II.2**	**THỰC HIỆN DỰ ÁN ((1)+(2))**								**18,511**	**18,511**	**249,367**	**249,367**	**-**	**-**	
(1)	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**					**-**			**11,142**	**11,142**	**41,772**	**41,772**	**-**	**-**	**(1)**	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025**					**-**			**14,808**	**14,808**	**41,819**	**41,819**	**-**	**-**	
-	Dự án chợ trung tâm huyện *(GĐ1+GĐ2)*	7813033	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2020-2021	Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10,000	10,000	2,666	2,666	7,334	7,334			-	Dự án chợ trung tâm huyện *(GĐ1+GĐ2)*	7813033	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2020-2021	Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10,000	10,000	2,666	2,666	7,334	7,334			
-	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng điểm dân cư số 20, xã Ia Đal	7778471	BQL ĐT&XD	Xã Ia Đal	2020	Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	2,500	2,500	174	174	2,326	2,326			-	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng điểm dân cư số 20, xã Ia Đal	7778471	BQL ĐT&XD	Xã Ia Đal	2020	Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	2,500	2,500	174	174	2,326	2,326			
-	Đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện	7787810	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	9,440	9,440	133	133	9,307	9,307			-	Đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện	7787810	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	9,440	9,440	133	133	9,307	9,307			
-	Dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C *(Đoạn điểm dân cư số 41 – Trung tâm hành chính xã Ia Tơi)*	7866531	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	2021-2023	Quyết định số 3538/UBND tỉnh ngày 29/12/2017	26,351	26,351	4,825	4,825	21,526	21,526			-	Dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C *(Đoạn điểm dân cư số 41 – Trung tâm hành chính xã Ia Tơi)*	7866531	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	2021-2023	Quyết định số 3538/UBND tỉnh ngày 29/12/2017	26,351	26,351	4,825	4,825	21,526	21,526			
-	Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (Thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai)	7778421	BQL ĐT&XD	Xã Ia Đal	2019-2021	Quyết định số 880/QĐ-UBND tỉnh ngày 23/8/2019	14,064	12,527	3,344	3,344	736	736			-	Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (Thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai)	7778421	BQL ĐT&XD	Xã Ia Đal	2019-2021	Quyết định số 880/QĐ-UBND tỉnh ngày 23/8/2019	14,064	12,527	3,344	3,344	733	733			
-	Hồ chứa nước và các hạng mục phụ trợ khu dân cư phía Đông trung tâm xã Ia Tơi	7562185	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2019-2021	Quyết định số 498/QĐ-UBND tỉnh ngày 31/10/2019	4,992	4,992			543	543			-	Hồ chứa nước và các hạng mục phụ trợ khu dân cư phía Đông trung tâm xã Ia Tơi	7562185	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2019-2021	Quyết định số 498/QĐ-UBND tỉnh ngày 31/10/2019	4,992	4,992			543	543			
															-	Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1 xã Ia Tơi (Giai đoạn 2)	7864217	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2020-2021	490/QĐ-UBND huyện ngày 23/10/2020	4,200	4,200	3,666	3,666	50	50			Điều chỉnh giảm 453,941 triệu đồng sang công trình Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)
(2)	**Các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025**					**-**			**3,702**	**3,702**	**81,864**	**81,864**	**-**	**-**	**(2)**	**Các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025**					**-**			**3,702**	**3,702**	**207,549**	**207,549**	**-**	**-**	
+	Hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng các công trình			Huyện Ia H'Drai			1,000	1,000			1,000	1,000			+	Hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng các công trình			Huyện Ia H'Drai			1,000	1,000			1,000	1,000			

						Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 *(Theo nguồn vốn)*		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn, năm 2021 đến năm 2025										Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 *(Theo nguồn vốn)*		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn, năm 2021 đến năm 2025				
						Quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu dự án; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP huyện									Quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu dự án; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP huyện			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện				Tổng số	Trong đó									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện				Tổng số	Trong đó	
													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB[1]														Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB [1]	
-	Mở rộng Quốc lộ 14C (Đoạn từ ĐĐT25 đến cầu Suối Đá)		BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 22/4/2020	12,000	12,000	-	-	12,000	12,000			-	Mở rộng Quốc lộ 14C (Đoạn từ ĐĐT25 đến cầu Suối Đá)		BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 22/4/2020	12,000	12,000	-	-	12,000	12,000			
+	Công trình Đường ĐĐT37 (N7-N75)	7902447	BQL ĐT&XD	xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	4,967	4,967	2,111	2,111	1,986	1,986			+	Công trình Đường ĐĐT37 (N7-N75)	7902447	BQL ĐT&XD	xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	4,967	4,967	2,111	2,111	1,986	1,986			
-	Bãi rác tập trung (Hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ)	7831369	BQL ĐT&XD	huyện Ia H'Drai	2022-2024	Quyết định số 299a/QĐ-UBND ngày 26/9/2021	1,292	1,292			1,292	1,292			-	Bãi rác tập trung (Hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ)	7831369	BQL ĐT&XD	huyện Ia H'Drai	2022-2024	Quyết định số 299a/QĐ-UBND ngày 26/9/2021	1,292	1,292			1,184	1,184			Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ 1.292 triệu đồng xuống 1.184 triệu đồng
-	Đường và hạng mục khác khu vực làng cá, thôn 7 xã Ia Tơi	7929896	UBND xã Ia Tơi	Xã Ia Tơi	2021	Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	352	352	352	352					-	Đường và hạng mục khác khu vực làng cá, thôn 7 xã Ia Tơi	7929896	UBND xã Ia Tơi	Xã Ia Tơi	2021	Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	352	352	352	352					
-	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị)	7928807	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 371/QĐ-UBND huyện ngày 18/11/2021	11,163	11,163			1,670	1,670			-	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị)	7928807	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 371/QĐ-UBND huyện ngày 18/11/2021	11,163	11,163			1,670	1,670			
-	Đường giao thông từ cầu Drai đến đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le (Đoạn Km7+316,41 - Km12+482,07)	7910754	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	2022-2024	Quyết định số 403/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/5/2021	43,268	4,767			4,767	4,767			-	Đường giao thông từ cầu Drai đến đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le (Đoạn Km7+316,41 - Km12+482,07)	7910754	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	2022-2024	Quyết định số 403/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/5/2021	43,268	4,767			4,767	4,767			
-	Đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Đal đến tiếp giáp Dự án đường từ cầu Drai đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le	7713157	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	Từ năm 2022-	Quyết định số 411/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/5/2021	104,248	34,248			34,148	34,148			-	Đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Đal đến tiếp giáp Dự án đường từ cầu Drai đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le	7713157	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	Từ năm 2022-	Quyết định số 411/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/5/2021	104,248	34,248			34,148	34,148			
-	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Tơi	7939028	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	Từ năm 2023-	Quyết định số 390/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/5/2021	149,882	14,882			14,782	14,782			-	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Tơi	7939028	BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	Từ năm 2023-	Quyết định số 390/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/5/2021	149,882	14,882			14,782	14,782			
-	Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)	7910488	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	4,842	4,842			539	539			-	Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)	7910488	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	4,842	4,842			3,010	3,010			Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn từ 539 triệu đồng lên 3.010 triệu đồng
-	Công trình Đường ĐĐT31 (N57-N54)	7913666	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	6,851	6,851			3,311	3,311			-	Công trình Đường ĐĐT31 (N57-N54)	7913666	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024		7,947	7,947			7,591	7,591			Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn từ 3.311 triệu đồng lên 7.591 triệu đồng
-	Công trình Đường ĐĐT30 (N52-N54)	7909588	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	3,808	3,808			611	611			-	Công trình Đường ĐĐT30 (N52-N54)	7909588	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	3,808	3,808			611	611			
-	Công trình Đường ĐĐT21 (N40-N30)	7912507	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	5,957	5,957			5,757	5,757			-	Công trình Đường ĐĐT21 (N40-N30)	7912507	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	5,957	5,957			5,757	5,757			
-	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	7913664	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	8,000	8,000	1,240	1,240					-	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	7913664	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	8,000	8,000	1,240	1,240	848	848			Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 848 triệu đồng
															-	Trường mầm non Măng Non (bếp ăn, nhà công vụ)	7916553	BQL ĐT&XD	Xã Ia Đal	2021-2023	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	5,160	5,160			2,805	2,805			Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 2.805 triệu đồng
															-	Trường mầm non Hoa Mai (Phòng học, bếp ăn và hạng mục phụ trợ khác)	7913665	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4,340	4,340			2,595	2,595			Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 2.595 triệu đồng
															-	Sửa chữa trụ sở Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Ia H'Drai	7897882	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 09/2/2022	4,155	4,155			2,700	2,700			Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 2.700 triệu đồng
															-	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa –Thể thao –Du lịch và Truyền thông	7897881	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 04/6/2022	1,215	1,215			1,069	1,069			Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 1.069 triệu đồng
															-	Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (Thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai)	7778421	BQL ĐT&XD	Xã Ia Đal	2019-2021	Quyết định số 880/QĐ-UBND tỉnh ngày 23/8/2019	14,064	12,527			3	3			Chi trả chi phí sau quyết toán dự án hoàn thành
															-	Sửa chữa trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ia H'Drai	7897880	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2023	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	750	750			700	700			Đã bố trí bằng nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối
															-	Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum		BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2026		98,799	98,799			96,841	96,841			Bổ sung mới

						Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 *(Theo nguồn vốn)*		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn, năm 2021 đến năm 2025										Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 *(Theo nguồn vốn)*		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn, năm 2021 đến năm 2025				
						Quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu dự án; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP huyện									Quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu dự án; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP huyện			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện		Tổng số	Trong đó			
													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (1)													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (1)	
																Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai		BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2025		7,930	7,930			7,852	7,852			Bổ sung mới
															-	Đầu tư đường ống cấp III trung tâm huyện Ia H'Drai		BQL ĐT&XD	Huyện Ia H'Drai	2022-2024		4,928	4,928			3,321	3,321			Bổ sung mới
															-	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất tập trung trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2022		UBND các xã	Huyện Ia H'Drai	Năm 2022		925	308			308	308			Bổ sung mới
C	**Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (lồng ghép thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới)**										**2,610**	**2,610**			**C**	**Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (lồng ghép thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới)**								**-**	**-**	**1,740**	**1,740**			**Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ 2.610 triệu đồng xuống 1.740 triệu đồng**
I	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**										**264**	**264**	**-**	**-**	**I**	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**								**-**	**-**	**264**	**264**	**-**	**-**	
1	Trường mầm non Hoa Mai (Phòng học, bếp ăn và hạng mục phụ trợ khác)	7913665	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4,340	4,340			264	264			1	Trường mầm non Hoa Mai (Phòng học, bếp ăn và hạng mục phụ trợ khác)	7913665	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4,340	4,340			264	264			
II	**THỰC HIỆN DỰ ÁN ((1)+(2))**								**-**	**-**	**2,346**	**2,346**	**-**	**-**	**II**	**THỰC HIỆN DỰ ÁN ((1)+(2))**								**-**	**-**	**1,476**	**1,476**	**-**	**-**	
1	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 (1)**						**4,340**	**4,340**	**-**	**-**	**2,346**	**2,346**	**-**	**-**	**1**	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 (1)**						**4,340**	**4,340**	**-**	**-**	**1,476**	**1,476**	**-**	**-**	
1	Trường mầm non Hoa Mai (Phòng học, bếp ăn và hạng mục phụ trợ khác)	7913665	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4,340	4,340			2,346	2,346			1	Trường mầm non Hoa Mai (Phòng học, bếp ăn và hạng mục phụ trợ khác)	7913665	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4,340	4,340			1,476	1,476			Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ 2.346 triệu đồng xuống 1.476 triệu đồng
D	**Nguồn tăng thu ngân sách huyện**						**-**	**-**			**14,744**	**14,744**	**-**	**-**	**D**	**Nguồn tăng thu ngân sách huyện**						**-**	**-**			**5,744**	**5,744**	**-**	**-**	**Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ 14.744 triệu đồng xuống 5.744 triệu đồng**
I	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**										**-**	**-**	**-**	**-**	**I**	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**										**-**	**-**	**-**	**-**	
II	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**								**-**	**-**	**14,744**	**14,744**	**-**	**-**	**II**	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**								**-**	**-**	**5,744**	**5,744**	**-**	**-**	
1	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 (1)**								**-**	**-**	**14,744**	**14,744**	**-**	**-**	**1**	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 (1)**								**-**	**-**	**5,744**	**5,744**	**-**	**-**	
-	Chỉnh trang, di dời, đầu tư hệ thống điện chiếu sáng	7910752	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	Xã Ia Tơi	2021	Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	926	926			926	926	-	-	-	Chỉnh trang, di dời, đầu tư hệ thống điện chiếu sáng	7910752	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	Xã Ia Tơi	2021	Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	926	926			926	926	-	-	
-	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất tập trung trên đất trống, đồi núi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2021	7917298	Phòng NN&PTNT	Huyện Ia H'Drai	2021	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	3,832	1,710			1,710	1,710			-	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất tập trung trên đất trống, đồi núi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2021	7917298	Phòng NN&PTNT	Huyện Ia H'Drai	2021	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	3,832	1,710			477	477			Điều chỉnh giảm 1.233,443 triệu đồng chuyển sang công trình Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)
-	Dự án trồng cây phân tán trên địa bàn huyện Ia H'Drai	7916752	Phòng NN&PTNT	Huyện Ia H'Drai	2021	Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	290	290			290	290			-	Dự án trồng cây phân tán trên địa bàn huyện Ia H'Drai	7916752	Phòng NN&PTNT	Huyện Ia H'Drai	2021	Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	290	290			290	290			
-	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	7913664	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2,818	2,818			2,818	2,818			-	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	7913664	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2,818	2,818			2,818	2,818			
-	Trường mầm non Măng Non (bếp ăn, nhà công vụ)	7916553	BQL ĐT&XD	Xã Ia Đal	2021-2023	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	5,160	5,160			767	767			-	Trường mầm non Măng Non (bếp ăn, nhà công vụ)	7916553	BQL ĐT&XD	Xã Ia Đal	2021-2023	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	5,160	5,160			-	-			Đã bố trí bằng nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối
-	Trường mầm non Hoa Mai (Phòng học, bếp ăn và hạng mục phụ trợ khác)	7913665	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4,340	4,340			1,730	1,730			-	Trường mầm non Hoa Mai (Phòng học, bếp ăn và hạng mục phụ trợ khác)	7913665	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2021-2023	Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4,340	4,340			-	-			Đã bố trí bằng nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối
-	Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)	7910488	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	4,842	4,842			3,503	3,503			-	Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)	7910488	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2023	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	4,842	4,842			1,233	1,233			
-	Công trình Đường ĐĐT31 (N57-N54)	7913666	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	6,851	6,851			3,000	3,000			-	Công trình Đường ĐĐT31 (N57-N54)	7913666	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024		7,947	7,947			-				Đã bố trí bằng nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối
E	**Nguồn tiết kiệm, cắt giảm theo Nghị quyết 84/NQ-CP của Chính phủ**						**-**	**-**	**-**	**-**	**633**	**633**	**-**	**-**	**E**	**Nguồn tiết kiệm, cắt giảm theo Nghị quyết 84/NQ-CP của Chính phủ**						**-**	**-**	**-**	**-**	**633**	**633**	**-**	**-**	
I	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**										**-**	**-**	**-**	**-**	**I**	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**										**-**	**-**	**-**	**-**	
II	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**								**-**	**-**	**633**	**633**	**-**	**-**	**II**	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**								**-**	**-**	**633**	**633**	**-**	**-**	
1	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 (1)**								**-**	**-**	**633**	**633**	**-**	**-**	**1**	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 (1)**								**-**	**-**	**633**	**633**	**-**	**-**	
-	Nhà văn hóa thôn Ia Muung	7903341	UBND xã Ia Dom	Xã Ia Dom	2021	Quyết định số 165 /QĐ-UBND ngày 11/6/2021	367	100			100	100	-	-	-	Nhà văn hóa thôn Ia Muung	7903341	UBND xã Ia Dom	Xã Ia Dom	2021	Quyết định số 165 /QĐ-UBND ngày 11/6/2021	367	100			100	100	-	-	

						Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 *(Theo nguồn vốn)*		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn, năm 2021 đến năm 2025										Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 *(Theo nguồn vốn)*		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn, năm 2021 đến năm 2025				
						Quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu dự án; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP huyện									Quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu dự án; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP huyện			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP huyện		Tổng số	Trong đó			
													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB[1]													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB [1]	
-	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị)	7928807	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 371/QĐ-UBND huyện ngày 18/11/2021	11,163	11,163			533	533			-	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị)	7928807	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 371/QĐ-UBND huyện ngày 18/11/2021	11,163	11,163			533	533			
F	**Nguồn Kết dư ngân sách huyện**						**-**	**-**	**-**	**-**	**1,350**	**1,350**	**-**	**-**	**F**	**Nguồn Kết dư ngân sách huyện**						**-**	**-**	**-**	**-**	**365**	**365**	**-**	**-**	**Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ 1,350 triệu đồng xuống 365 triệu đồng**
I	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**								**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**I**	**NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**								**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
II	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**								**-**	**-**	**1,350**	**1,350**	**-**	**-**	**II**	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**								**-**	**-**	**365**	**365**	**-**	**-**	
-	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị)	7928807	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 371/QĐ-UBND huyện ngày 18/11/2021	11,163	11,163			150	150			-	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị)	7928807	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 371/QĐ-UBND huyện ngày 18/11/2021	11,163	11,163			150	150			
-	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	7913664	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2,818	2,818			300	300			-	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	7913664	BQL ĐT&XD	Xã Ia Dom	2021-2023	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2,818	2,818			-	-			Đã bố trí bằng nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối
-	Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)	7910488	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	4,842	4,842			600	600			-	Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)	7910488	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	4,842	4,842			215	215			Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ 600 triệu đồng xuống 215 triệu đồng
-	Công trình Đường ĐĐT31 (N57-N54)	7913666	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2023-2025	Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	6,851	6,851			300	300			-	Công trình Đường ĐĐT31 (N57-N54)	7913666	BQL ĐT&XD	Xã Ia Tơi	2022-2024		7,947	7,947			-				Đã bố trí bằng nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối

Biểu mẫu số 03

PHÂN CẤP ĐẦU TƯ CHO CÁC XÃ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số 96 /TTr-UBND ngày 06/ 7 /2022 của Ủy nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 *(Theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 18/3/2022 của HĐND huyện)*		Điều chỉnh, bổ sung (lần 3)		Ghi chú
		Tổng số	Nguồn vốn *(Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối)*	Tổng số	Nguồn vốn *(Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối)*	
Tổng số		**16,517**	**16,517**	**33,104**	**33,104**	
1	Xã Ia Tơi	16,517	16,517	33,104	33,104	